CHÍNH PHỦ **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

[redacted]

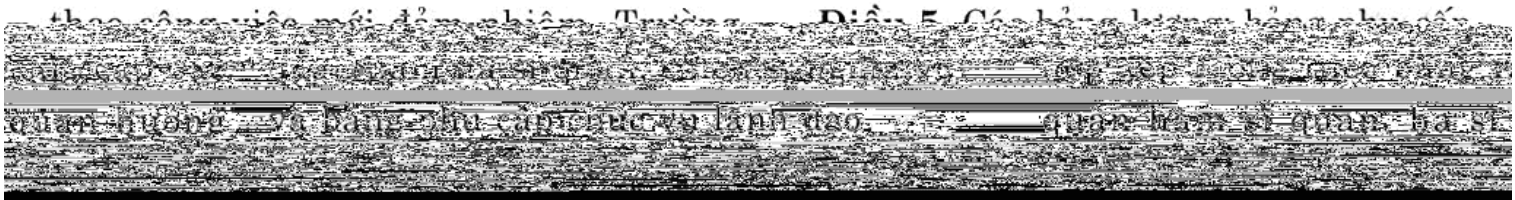

b) Người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu, tùy theo từng đối tượng được xếp lương theo bảng lương cấp bậc quân hàm sĩ quan quân đội nhân dân (Bảng 6) với mức lương cao nhất bằng mức lương của cấp bậc quân hàm Thiếu tướng (trừ sĩ quan quân đội nhân dân và sĩ quan công an nhân dân được điều động, biệt phái) và bảng lương quân nhân chuyên nghiệp thuộc quân đội nhân dân (Bảng 7).

c) Công nhân làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang và tổ chức cơ yếu áp dụng thang lương, bảng lương quy định trong các công ty nhà nước.

2. Bảng phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân.

3. Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Điều 6. Các chế độ phụ cấp lương

1. Phụ cấp thâm niên vượt khung:

Áp dụng đối với các đối tượng xếp lương theo Bảng 2, Bảng 3, Bảng 4 và Bảng 7 quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này và bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát quy định tại Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11, đã xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh.

a) Mức phụ cấp như sau:

a1) Các đối tượng xếp lương theo các ngạch từ loại A0 đến loại A3 của Bảng 2, Bảng 3, các chức danh xếp lương theo Bảng 7 và các chức danh xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát: Sau 3 năm (đủ 36 tháng) đã xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh thì được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung bằng 5% mức lương của bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh đó; từ năm thứ tư trở đi mỗi năm được tính thêm 1%.

a2) Các đối tượng xếp lương theo các ngạch loại B, loại C của Bảng 2, Bảng 3 và nhân viên thừa hành, phục vụ xếp lương theo Bảng 4: Sau 2 năm (đủ 24 tháng) đã xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch thì được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung bằng 5% mức lương của bậc lương cuối cùng trong ngạch đó; từ năm thứ ba trở đi mỗi năm được tính thêm 1%.

b) Các đối tượng quy định tại điểm a (a1 và a2) khoản 1 Điều này, nếu không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm hoặc bị kỷ luật một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức hoặc bị bãi nhiệm thì cứ mỗi năm không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị kỷ luật bị kéo dài thêm thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 1 năm (đủ 12 tháng) so với thời gian quy định.

c) Phụ cấp thâm niên vượt khung được dùng để tính đóng và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Áp dụng đối với các đối tượng đang giữ chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) ở một cơ quan, đơn vị, đồng thời được bầu cử hoặc được bổ nhiệm kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác mà cơ quan, đơn vị này được bố trí biên chế chuyên trách người đứng đầu nhưng hoạt động kiêm nhiệm.

Mức phụ cấp bằng 10% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh lãnh đạo cũng chỉ hưởng một mức phụ cấp.

3. Phụ cấp khu vực:

Áp dụng đối với các đối tượng làm việc ở những nơi xa xôi, hẻo lánh và khí hậu xấu.

Phụ cấp gồm 7 mức: 0,1; 0,2; 0,3; 0,4; 0,5; 0,7 và 1,0 so với mức lương tối thiểu chung. Đối với hạ sĩ quan và chiến sĩ nghĩa vụ thuộc lực lượng vũ trang, phụ cấp khu vực được tính so với mức phụ cấp quân hàm binh nhì.

4. Phụ cấp đặc biệt:

Áp dụng đối với các đối tượng làm việc ở đảo xa đất liền và vùng biên giới có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn.

Phụ cấp gồm 3 mức: 30%; 50% và 100% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hoặc phụ cấp quân hàm hiện hưởng đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang.

5. Phụ cấp thu hút:

Áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức đến làm việc ở những vùng kinh tế mới, cơ sở kinh tế và đảo xa đất liền có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn.

Phụ cấp gồm 4 mức: 20%; 30%; 50% và 70% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Thời gian hưởng phụ cấp từ 3 đến 5 năm.

6. Phụ cấp lưu động:

Áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc ở một số nghề hoặc công việc thường xuyên thay đổi địa điểm làm việc và nơi ở.

Phụ cấp gồm 3 mức: 0,2; 0,4 và 0,6 so với mức lương tối thiểu chung.

7. Phụ cấp độc hại, nguy hiểm:

Áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức làm những nghề hoặc công việc có điều kiện lao động độc hại, nguy hiểm và đặc biệt độc hại, nguy hiểm chưa được xác định trong mức lương.

Phụ cấp gồm 4 mức: 0,1; 0,2; 0,3 và 0,4 so với mức lương tối thiểu chung.

8. Các chế độ phụ cấp đặc thù theo nghề hoặc công việc:

a) Phụ cấp thâm niên nghề:

Áp dụng đối với sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp thuộc quân đội nhân dân, sĩ quan và hạ sĩ quan hưởng lương thuộc công an nhân dân, công chức hải quan

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

và người làm công tác cơ yếu trong tổ chức cơ yếu.

Mức phụ cấp như sau: Sau 5 năm (đủ 60 tháng) tại ngũ hoặc làm việc liên tục trong ngành hải quan, cơ yếu thì được hưởng phụ cấp thâm niên nghề bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm được tính thêm 1%.

đãi theo nghề quy định tại điểm b khoản 8 Điều này.

d) Phụ cấp trách nhiệm công việc:

d1) Những người làm việc trong tổ chức cơ yếu được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc bảo vệ cơ mật mật mã.

Phụ cấp gồm 3 mức: 0,1; 0,2 và 0,3 so với mức lương tối thiểu chung.

d2) Những người làm những công việc

[redacted]

phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề hoặc phụ cấp trách nhiệm theo nghề cho phù hợp với quy định tại điểm b và điểm c khoản 8 Điều 6 Nghị định này và được truy lĩnh theo mức phụ cấp mới kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

3. Nghị định này thay thế Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang.

Bãi bỏ các quy định về tiền lương và phụ cấp trái với quy định tại Nghị định này.

4. Quy định về thẩm quyền quyết định nâng bậc lương thường xuyên (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung) và nâng bậc lương trước thời hạn đối với ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương loại A3 tại điểm b (b2 và b3) khoản 3 Điều 10 Nghị định này thay thế quy định về thẩm quyền quyết định nâng bậc lương đối với ngạch chuyên viên cao cấp và các ngạch công chức, viên chức chuyên ngành tương đương ngạch chuyên viên cao cấp tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 117/2003/NĐ-CP và khoản 8 Điều 46 Nghị định số 116/2003/NĐ-CP.

5. Chế độ tiền lương đối với cán bộ Xã đội quy định tại Điều 22 Nghị định số 184/2004/NĐ-CP được tính lại theo quy định tại Nghị định này và được hưởng từ ngày 01 tháng 01 năm 2005.

6. Cách tính hưởng các chế độ phụ cấp quy định tại Nghị định số 35/2001/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2001 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đang công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được tính lại theo quy định tại Nghị định này.

7. Hủy bỏ hiệu lực thi hành các quy định tại các văn bản sau:

a) Điều 2, Điều 3, các khoản 1, 3, 4, 5, 6 và 8 Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương.

b) Các điểm a, b, c, d và đ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 4 và Điều 6 Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

8. Các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, nếu thấy phù hợp thì được vận dụng các quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
Phó Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 1

BẢNG LƯƠNG CHUYÊN GIA CAO CẤP

(ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Hệ số lương	**8,80**	**9,40**	**10,00**
Mức lương thực hiện 01/10/2004	2.552,0	2.726,0	2.900,0

Ghi chú: Áp dụng đối với các đối tượng không giữ chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) trong các lĩnh vực chính trị, hành chính, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, giáo dục, y tế, văn hóa - nghệ thuật.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 2

BẢNG LƯƠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

(ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số thứ tự	Nhóm ngạch	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10	Bậc 11	Bậc 12
1	**Công chức loại A3**												
a	Nhóm 1 (A3.1)												
	Hệ số lương	**6,20**	**6,56**	**6,92**	**7,28**	**7,64**	**8,00**						
	Mức lương thực hiện 01/10/2004	1.798,0	1.902,4	2.006,8	2.111,2	2.215,6	2.320,0						
b	Nhóm 2 (A3.2)												
	Hệ số lương	**5,75**	**6,11**	**6,47**	**6,83**	**7,19**	**7,55**						
	Mức lương thực hiện 01/10/2004	1.667,5	1.771,9	1.876,3	1.980,7	2.085,1	2.189,5						
2	**Công chức loại A2**												
a	Nhóm 1 (A2.1)												
	Hệ số lương	**4,40**	**4,74**	**5,08**	**5,42**	**5,76**	**6,10**	**6,44**	**6,78**				
	Mức lương thực hiện 01/10/2004	1.276,0	1.374,6	1.473,2	1.571,8	1.670,4	1.769,0	1.867,6	1.966,2				

Số thứ tự	Nhóm ngạch	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10	Bậc 11	Bậc 12
b	Nhóm 2 (A2.2)												
	Hệ số lương	**4,00**	**4,34**	**4,68**	**5,02**	**5,36**	**5,70**	**6,04**	**6,38**				
	Mức lương thực hiện 01/10/2004	1.160,0	1.258,6	1.357,2	1.455,8	1.554,4	1.653,0	1.751,6	1.850,2				
3	**Công chức loại A1**												
	Hệ số lương	**2,34**	**2,67**	**3,00**	**3,33**	**3,66**	**3,99**	**4,32**	**4,65**	**4,98**			
	Mức lương thực hiện 01/10/2004	678,6	774,3	870,0	965,7	1.061,4	1.157,1	1.252,8	1.348,5	1.444,2			
4	**Công chức loại A0**												

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 3

[redacted]

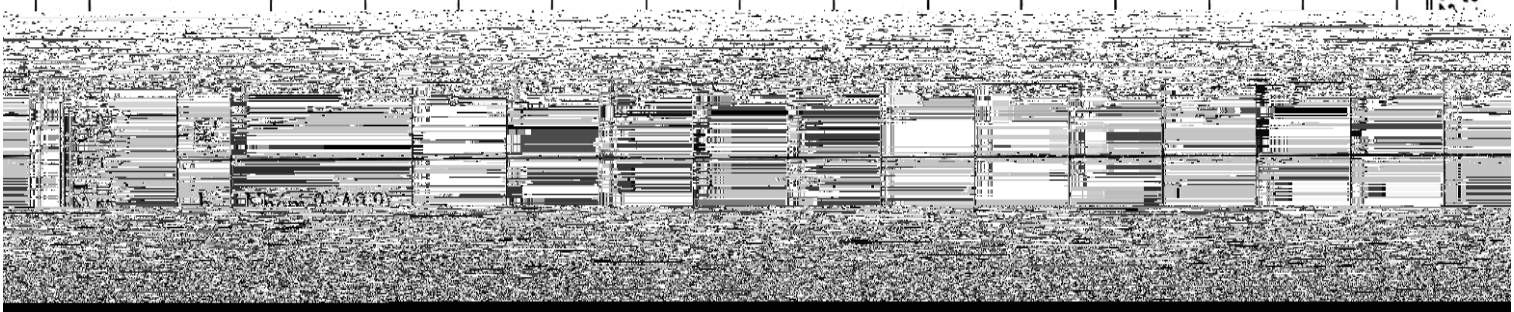

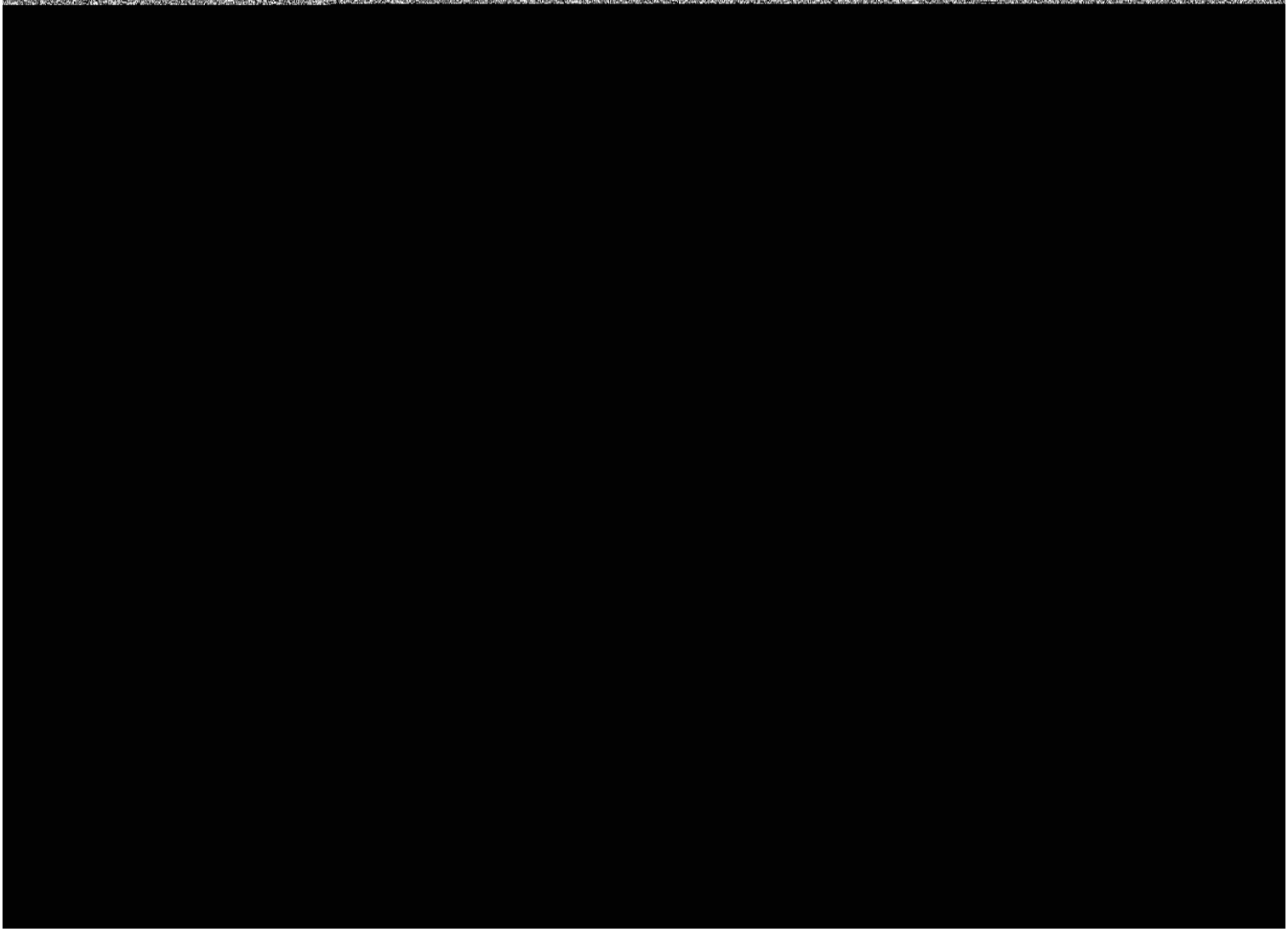

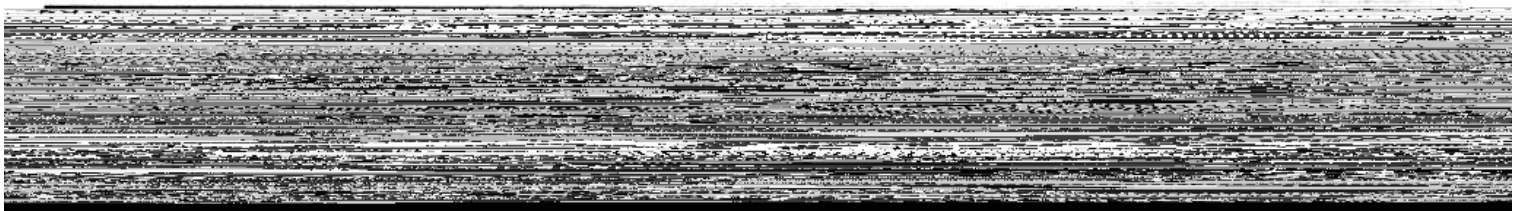

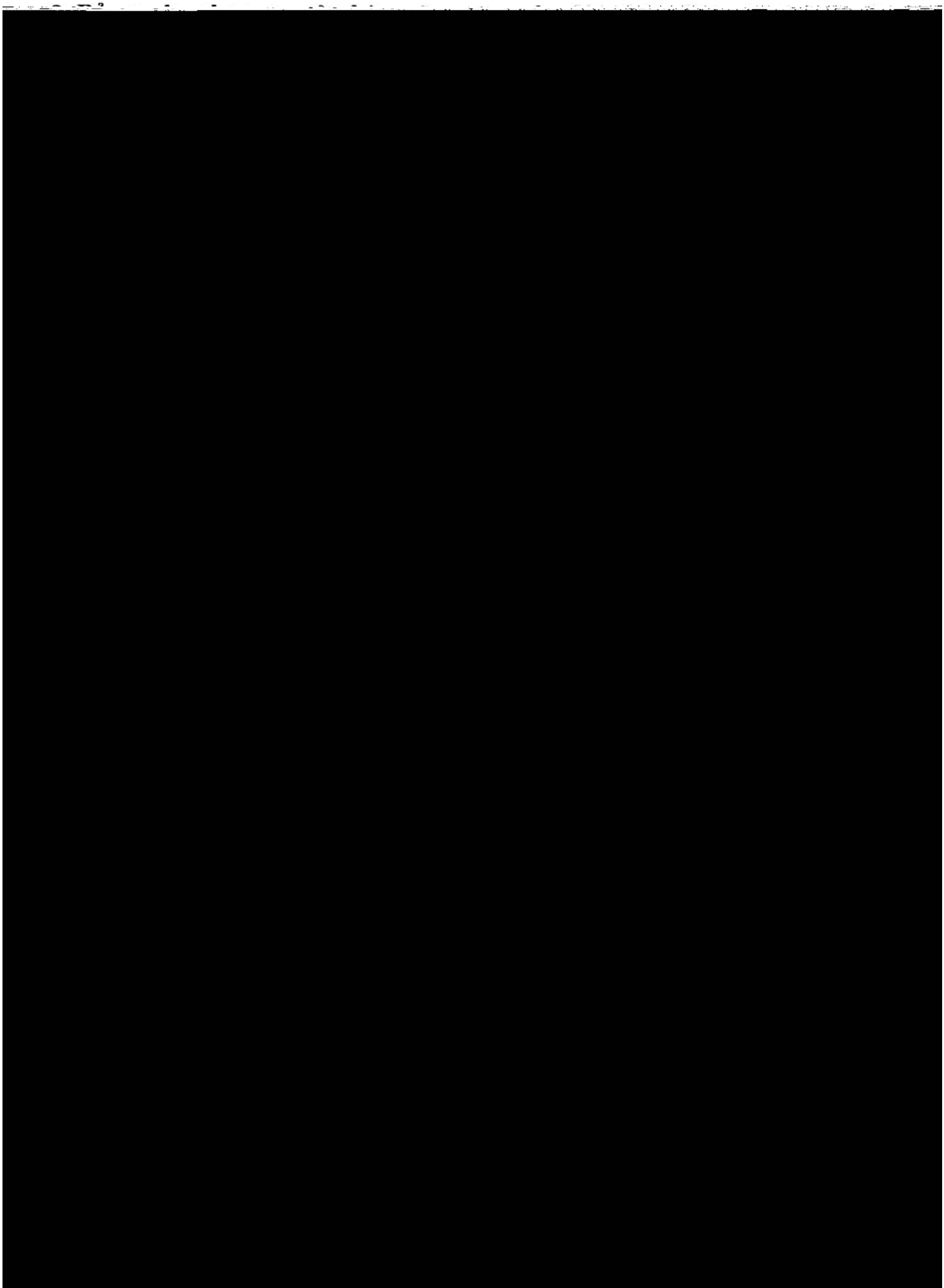

[redacted]

Số thứ			Mức phụ cấp thực

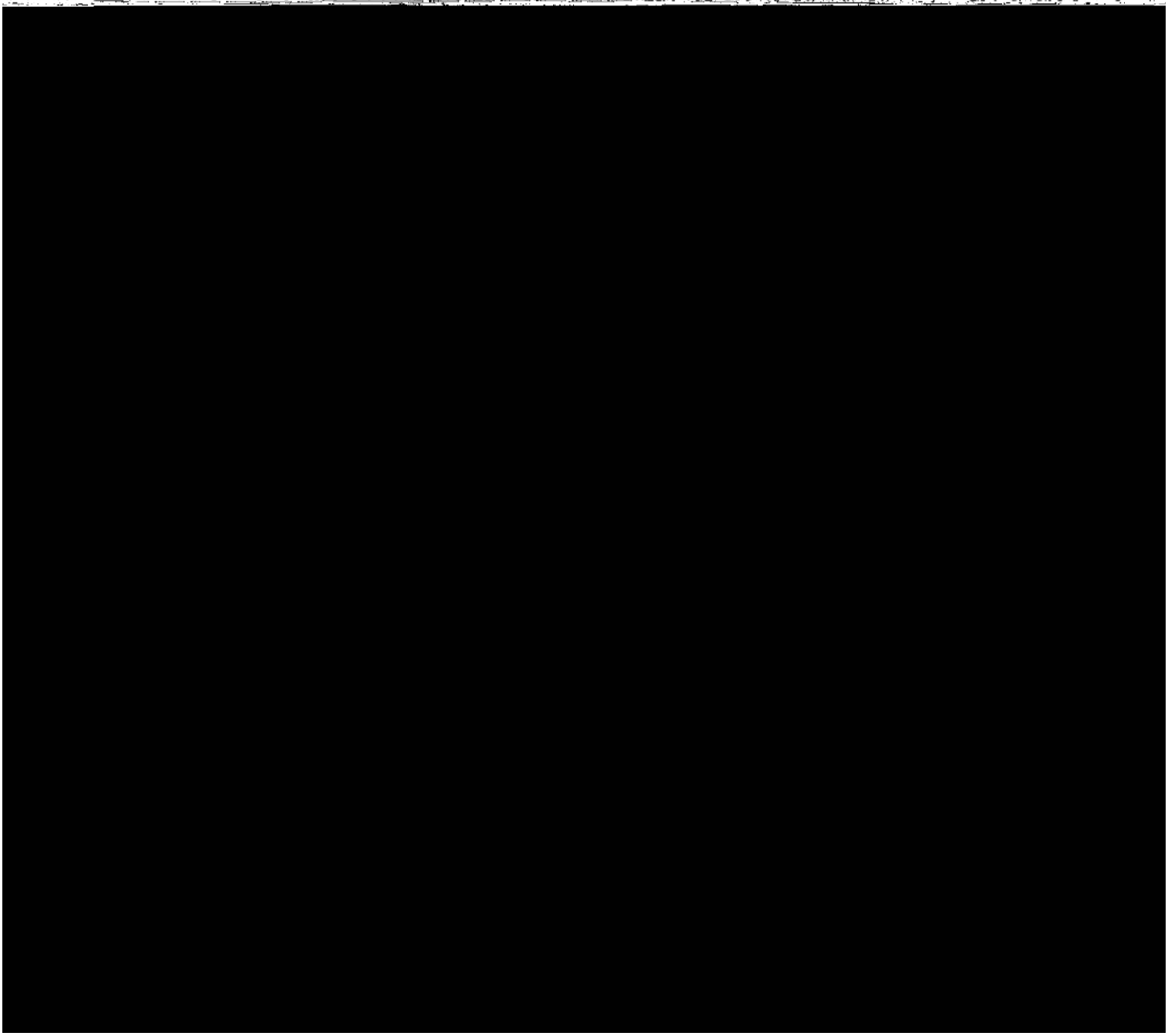

23. Thể dục thể thao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Ghi chú:

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước được cử sang giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách Hội và các tổ chức

24.2. Hội và các tổ chức phi chính phủ ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số thứ tự	Chức danh lãnh đạo	Đô thị loại đặc biệt, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 01/10/2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 01/10/2004
1	Chủ tịch	1,00	290,0	0,90	261,0
2	Phó Chủ tịch	0,80	232,0	0,70	203,0
3	Trưởng phòng (ban) và tương đương	0,60	174,0	0,50	145,0
4	Phó trưởng phòng (ban) và tương đương	0,40	116,0	0,30	87,0

Ghi chú:

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước được cử sang giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách Hội và các tổ chức phi chính phủ thì xếp lương theo ngạch công chức, viên chức chuyên môn đang hưởng và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo.

2. Các chức danh lãnh đạo trong các tổ chức trực thuộc Hội và trực thuộc các tổ chức phi chính phủ ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là Ban, phòng và tương đương) được hưởng phụ cấp chức vụ khi được Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

3. Trường hợp theo Điều lệ hoạt động của tổ chức mà có các chức danh lãnh đạo khác chưa nêu ở bảng trên, thì Hội hoặc tổ chức phi chính phủ thỏa thuận với Sở Nội vụ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức phụ cấp chức vụ cho phù hợp.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

II. PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số thứ tự	Chức danh lãnh đạo	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 01/10/2004
1	Bộ trưởng	Tùy bố trí nhân sự để xếp lương và phụ cấp cho phù hợp. Trường hợp xếp lương theo cấp hàm sĩ quan thì hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo bằng 1,50.	
2	Tổng tham mưu trưởng	1,40	406,0
3	Tư lệnh quân khu	1,20	348,0
4	Tư lệnh quân đoàn	1,10	319,0
5	Phó tư lệnh quân đoàn	1,00	290,0
6	Sư đoàn trưởng	0,90	261,0
7	Lữ đoàn trưởng	0,80	232,0
8	Trung đoàn trưởng	0,70	203,0
9	Phó trung đoàn trưởng	0,60	174,0
10	Tiểu đoàn trưởng	0,50	145,0
11	Phó tiểu đoàn trưởng	0,40	116,0
12	Đại đội trưởng	0,30	87,0
13	Phó đại đội trưởng	0,25	72,5
14	Trung đội trưởng	0,20	58,0

Ghi chú: Các chức danh lãnh đạo khác thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân được xác định theo nguyên tắc tương đương, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quy định cụ thể sau khi có thỏa thuận của liên Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com